

THÔNG BÁO

Về việc công bố các khoản thu năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2010/BHXXH-PQLT-ST ngày 02/08/2024 của BHXXH tỉnh Long An hướng dẫn thực hiện thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

Trường THPT Phan Văn Đạt thông báo các khoản thu sau:

I. Các khoản thu trong quy định

1. Học Phí

1.1. Mức thu

Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 trở đi đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An. Cụ thể: 38.000đ/1 tháng; 342.000 đ/9tháng

1.2. Hình thức thu:

Học phí được thu bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của nhà trường tại ngân hàng định kỳ hàng tháng; nếu người học, nếu phụ huynh học sinh có nguyện vọng cá nhân thì có thể chuyển khoản một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học, thu tối đa 9 tháng/năm.

1.3. Quản lý và sử dụng:

Quản lý và sử dụng theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

1.4. Đối tượng được miễn, giảm học phí:

Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐNDHĐND ngày 21/5/2024 của HĐND tỉnh

* Đối tượng được miễn học phí. Các trường hợp thường gặp:

Có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp có hộ khẩu và ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo; học sinh khuyết tật.

Miễn học phí 100% học sinh thuộc hộ nghèo, khuyết tật, người dân tộc thiểu số. Con thương binh, liệt sĩ.

* Đối tượng được giảm 50% học phí. Các trường hợp thường gặp:

Có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo; gia đình có giấy KHHGĐ; học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

1.5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Hỗ trợ chi phí học tập 150.000/tháng trong 9 tháng

* Đối tượng được được hỗ trợ chi phí học tập .Các trường hợp thường gặp:

Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo; học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ; học sinh khuyết tật.

2. Bảo hiểm y tế học sinh

Công văn Hướng dẫn số 2010/BHXX-PQLT-ST ngày 02/08/2024 của BHXH Long An.

Học sinh phải tham gia mua BHYT tại trường (trừ các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng và hộ gia đình cận nghèo, hộ nghèo, mua chung hộ gia đình nhưng phải trình bản photo thẻ BHYT đang còn thời hạn sử dụng để minh chứng).

2.1. Mức thu: $70\% \times 4,5\% \times 2.340.000 = 73.710\text{đ}$ / tháng/học sinh (có thể mua theo các hạn 3, 6, 12 tháng).

Khối 10,11(884.520đ/HS/12 tháng). Khối 12 (663.390đ/HS/09 tháng)

2.2. Hình thức thu: bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của nhà trường tại ngân hàng, theo thời gian tham gia với mức thu tương ứng để Tài vụ nộp lên BHXH huyện kịp thời.

II. Các khoản thu dịch vụ

1. Học thêm do nhà trường tổ chức

Thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2499/QĐBGDDT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT về việc công bố hết hiệu lực các Điều 6,8,9,10,11,12,13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

1.1. Mức thu : Không quá 6.000đ/1HS/1tiết.

1.2. Hình thức thu:

Học phí được thu bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của nhà trường tại ngân hàng theo đợt trong kế hoạch dạy thêm.

1.3. Quản lý và sử dụng: theo quy chế chi tiêu nội bộ

2. Dịch vụ trông giữ xe

Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019. Hợp đồng của nhà trường với đơn vị thuê mặt bằng nhà xe.

2.1. Mức thu dự kiến

- Xe đạp, xe đạp điện: 1.000 đồng/lượt
- Xe máy, xe máy điện: 2.000 đồng/lượt

Hàng năm, nhà trường ký hợp đồng cho thuê nhà giữ xe. Luôn đảm bảo mức đóng mỗi học sinh không quá 300.000 đ/1 năm, đóng 1 lần cho cả năm

2.2. Hình thức thu: Thu theo lượt

3. Dịch vụ phục vụ học sinh: Nhằm phối hợp với cha mẹ học sinh, giúp cha mẹ học sinh có nhu cầu mua sắm các loại đồ dùng phục vụ trong quá trình học tập tại nhà trường

- Phù hiệu: 2.500đ/1 cái. BCH Đoàn trường thu, quản lý, sử dụng
- Áo, quần thể dục: 125.000đ/1 bộ. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thu, quản lý, sử dụng. Chỉ học sinh Khối 10 mua
- Áo, quần quốc phòng, an ninh: 260.000đ/ bộ. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thu, quản lý, sử dụng. Chỉ học sinh Khối 10 mua.

III. Các khoản tự nguyện:

1. Quỹ hoạt động của CMHS :

Thực hiện căn cứ theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.

Mức thu phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh do cuộc họp đầu năm học của cha mẹ học sinh quyết định đảm bảo tinh thần tự nguyện, không sử dụng để hỗ trợ các hoạt động dạy học và giáo dục, khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Việc chi tiêu phải được lập kế hoạch và được thông qua trong cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học và công khai kết quả sử dụng tại cuộc họp cuối học kỳ, cuối năm học.

3.2. Quỹ Đoàn:

Thực hiện Căn cứ theo Quy định tại Điều 37 chương X, Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 07/TWĐTN ngày 25/10/2010 của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Cụ thể : 2.000đ/ 1 tháng

3.3. Tài trợ giáo dục: Nhà trường lập kế hoạch tiếp nhận và sử dụng khi có tài trợ.

3.4. Bảo hiểm thân thể: Mức 100.000đ/năm; Mức 150.000đ/năm; Mức 200.000đ/năm. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thu, quản lý, sử dụng.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :

- Bộ phận tài vụ;
- Website trường;
- GVCN;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT./.

Nguyễn Duy Hùng